

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/HS-PT
Ngày: 28-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 và ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 11/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021, do có kháng cáo của bị cáo Trần Thanh S, bị hại Trần Thanh C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Trần Thanh S (Tên gọi khác: Tý), sinh năm 1993. Tại Long An. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bạch L, sinh năm 1964 và bà Trần Thị M, sinh năm 1970; bị cáo có 03 người anh, em, sinh năm 1993, 2000 và 2003; vợ Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1996; bị cáo có hai con, lớn sinh năm 2014 nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Trần Quốc S, sinh năm 1997. Tại Long An. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bạch L, sinh năm 1964 và bà Trần Thị M, sinh năm 1970; bị cáo có 03 người anh, em, sinh năm 1993, 2000 và 2003; vợ: Nguyễn

Thị Kim H, sinh năm 1999, một con sinh 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31-3-2020 đến ngày 05-5-2020 cho gia đình bảo lãnh cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1999. Tại Long An. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1969 và bà Ngô Thị Ánh Ng, sinh năm 1979; chồng Trần Quốc S, sinh năm 1997; bị cáo có 01 người con sinh năm 2016, hiện đang mang thai; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Trần Bạch L, sinh năm 1964. Tại An Giang. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh B, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); vợ Trần Thị M, sinh năm 1970; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S:* Luật sư Võ Văn V – Văn phòng luật sư Nguyễn Anh Trí, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:* Trần Thanh C (L), sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. (Có mặt)

- *Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:*

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, bà Trần Thanh C nợ của bà Trần Thị M (vợ của bị cáo L, mẹ của bị cáo Thanh S, Quốc S) số tiền khoảng 6.000.000 đồng. Bà M đòi nhiều lần nhưng bà C chưa trả. Ngày 09-3-2020 đến hạn trả tiền nhưng không thấy bà C trả nợ. Khoảng 12 giờ cùng ngày, bà M kêu con ruột tên Trần Thanh S và Trần Quốc S đến nhà bà C để lấy tiền. Trần Thanh S điều khiển xe máy biển số 62FC – 4949 chở Trần Quốc S đến nhà bà C. Khi đến nơi, có một mình bà C ở nhà, Thanh S và Quốc S hỏi bà C về số tiền nợ. Quốc S nói: “Bà hứa không có uy tín, bà đem xe ra chợ cầm 2 hay 3 triệu trả cho mẹ tôi, mai mốt có tiền lấy xe về”, bà C trả lời: “Tao thiếu tiền mẹ mày chứ không phải thiếu tiền hai thằng bây”, nghe bà C trả lời như vậy, Thanh S bực dọc cầm một mũ bảo hiểm màu đỏ đập vào cánh cửa chính bên trái làm vành mũ bảo hiểm văng ra, Thanh S nói với bà C: “Bà nói sao tui không có quyền, một năm nay tui đi làm choàng đầu hụi cho bà,

sao không có quyền”, Thanh S đi vào trong nhà bà C hỏi tiếp: “Vậy mai một có tiền phải không?”, bà C trả lời: “Ừ”, Thanh S nói tiếp: “Vậy tôi lấy xe về ngoài nhà, mai một có tiền bà ra lấy xe về”, bà C không đồng ý nên Quốc S nói: “Bây giờ tôi lấy xe về nhà tôi, coi bà đi hay không”. Lúc này Quốc S thấy xe mô tô biển số 62F1 – 078.03 của bà C đang đậu trong nhà cặp bộ li vắng, cổ xe đã bị khóa. Quốc S tiến tới dùng hai tay nắm sau đuôi xe mô tô 62F1 – 078.03 kéo xe về hướng tủ thờ để quay đầu xe ra cửa, bà C dùng 02 tay nắm vào đuôi xe kéo lại, trong quá trình giằng co bà C bị té ngã vào ghế thờ làm khung hình phạt trên vách nhà rơi xuống nền nhà bị hư hỏng. Lúc này, Thanh S nắm phía trước xe phụ Quốc S quay đầu xe ra hướng cửa chính. Quốc S đứng bên trái xe, Thanh S đứng bên phải xe khiêng xe ra nhưng do bà C nắm phía sau xe kéo lại, hai bên giằng co qua lại nên Thanh S, Quốc S không khiêng xe ra được. Thanh S điện thoại cho bà M nói không đòi tiền được nên lấy xe của bà C về nhà. Nghe vậy, bà M liền kêu chồng là Trần Bạch L và con dâu tên Nguyễn Thị Kim H (vợ của Quốc S) đi vào nhà bà C để xem có chuyện gì. L điều khiển xe mô tô biển số 62F1 – 154.28 chở H đi đến nhà bà C, khi đến nơi L dừng xe đứng trên đường nhìn xuống thấy Thanh S và Quốc S khiêng xe mô tô 62F1 – 078.03 ra cửa, H thấy bà C nắm phía sau xe kéo lại Thanh S và Quốc S không khiêng xe được nên H cầm mũ bảo hiểm đi vào nhà bà C. H dùng mũ bảo hiểm màu tím đập lên yên xe mô tô 62F1 – 078.03 và nói: “Lấy xe, chừng nào đi có tiền ra trả, lấy xe về”, bà C đang nắm 2 tay trên khung sắt nâng xe phía sau, lúc này tay phải H cầm mũ bảo hiểm màu tím, tay trái đẩy người bà C ra, bà C buông xe ra, chạy ra cửa chính khép cánh cửa bên trái lại. H chạy đến cánh cửa bà C vừa khép dùng mũ bảo hiểm đang cầm trên tay đập vào khung sắt của cánh cửa 2 – 3 cái, bà C buông cánh cửa ra và tiếp tục dùng 2 tay nắm khung nâng xe phía sau, H chạy vào tiếp tục xô đẩy bà C ra khỏi xe. Thanh S và Quốc S mỗi người một bên khiêng xe ra khỏi cửa chính, lúc khiêng bánh trước xe va chạm với cánh cửa bên trái làm vỡ kính. Thanh S và Quốc S khiêng xe ra khỏi cửa thì bà C vẫn dùng 2 tay nắm khung nâng xe kéo lại, khiêng xe lên đường dốc 836 do bị H xô đẩy bà C buông xe ra và la lên: “Lấy đi trong cốp xe có mười triệu đó”. Nghe vậy, Thanh S và Quốc S dựng xe bên lề rồi lấy một viên gạch ông để cạy cốp xe nhưng không cạy được, L đi tới dùng 2 tay nắm vào yên xe giật mạnh làm khóa yên xe bung ra để kiểm tra nhưng không có tài sản gì bên trong. H đi lấy 05 đoạn cây gỗ để cạy cốp xe nhưng thấy cốp xe đã mở được nên bỏ lại trước sân nhà bà C. Thanh S và Quốc S tiếp tục khiêng xe của bà C để lên xe mô tô của mình để chở về nhà. Lúc này ông L dùng tay giữ đầu xe máy 62FC – 4949 để Thanh S và Quốc S khiêng xe mô tô của bà C để ngang trên xe máy, rồi mỗi người một bên còn H phía sau đẩy xe mô tô 62F1 – 078.03 về, ông L chạy xe mô tô 62F1 – 154.28 đi về trước. Trên đường về, thấy xe mô tô ba bánh do Trương Minh T, sinh năm 1968, nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An điều khiển chạy ngang qua nên Thanh S và Quốc S đã thuê chở xe mô tô 62F1 – 078.03 về nhà.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL.HĐĐGTS ngày 29-6-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hóa xác định: 01

xe mô tô biển số 62F1 – 078.03 nhãn hiệu Wave RSX 110 (đã qua sử dụng) trị giá 9.000.000 đồng; 01 tấm kính kích thước dài 1.47m, rộng 0.5m, dày 5mm, loại kính mờ có hoa văn (đã qua sử dụng) trị giá 500.000 đồng; 01 khung hình phạt Quan âm, kích thước dài 34.5cm, rộng 28cm, dày 02cm (đã qua sử dụng) trị giá 200.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 80/TgT.20-PY ngày 30-4-2020 của Sở y tế tỉnh Long An kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trần Thanh C là 00% (Không không phần trăm).

Vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 nửa cục gạch (dạng ống 4 lỗ hình vuông), màu nâu đỏ có kích thước dài 10cm, rộng 08cm, trên mặt cục gạch có chữ “TUYNEL – HMEL - DONG PHAT” và có 04 rãnh; 05 đoạn gỗ (dạng gỗ tràm đã khô); 01 lưỡi trai bằng nhựa, màu đen (dạng lưỡi trai mũ bảo hiểm); 01 đoạn kim loại dạng sắt phi 10 dài 41,2cm bị gỉ sét; 01 số mảnh vỡ kính (dạng kính mờ có hoa văn); 04 đoạn cây dạng nhựa giả gỗ màu nâu xám; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu đỏ, trên mũ có in chữ “SH mode”, “Honda Phương Mai” ở hai bên vành mũ, phần lưỡi trai phía trước bị mất, phần chốt gài quai mũ bị mất, trên mũ có nhiều vết trầy xước, mặt sơn kích thước 26cm, rộng 23cm; 01 mũ bảo hiểm màu tím, loại nửa đầu, mặt trên bên trái mũ bảo hiểm có hai vết trượt xước mặt sơn còn mới, vết thứ nhất có kích thước dài 08cm, rộng 0,5cm màu nâu đen, vết thứ hai có kích thước 04cm, rộng 01cm, ngoài ra trên đỉnh mũ có nhiều vết trầy xước đã cũ; 01 xe mô tô biển số 62FC – 4949, số khung 014DP – 010820, số máy 39FMB – 010820 (xe đã qua sử dụng); 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0006093.

Riêng đối với xe mô tô biển số 62F1 – 078.03 nhãn hiệu Wave RSX 110 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 62F1 – 078.03 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Hóa đã trả lại cho bị hại Trần Thanh C.

Trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thanh C yêu cầu bồi thường số tiền 5.840.000 đồng bao gồm tiền thuốc 1.050.000 đồng, tiền thay kính cửa 500.000 đồng, tiền thay khung phạt Quan âm 200.000 đồng, tiền lương nghỉ 20 ngày 2.000.000 đồng, tiền sửa xe mô tô 62F1 – 078.03 là 2.090.000 đồng. Các bị cáo đã nộp tiền khắc phục bồi thường tại C cục Thi hành án huyện Thạnh Hóa.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 24/2020/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 15/2020/TB-TA ngày 08-12-2020 của Toà án nhân dân huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S, Nguyễn Thị Kim H, Trần Bạch L phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thanh S 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ khi bị cáo thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quốc S 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (26-11-2020). Giao bị cáo cho UBND thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An theo dõi, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1, Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, khoản 3, Điều 36, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Bạch L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An theo dõi, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo đối với bị hại Trần Thanh C.

Bị hại Trần Thanh C được nhận số tiền 5.840.000 đồng tiền bồi thường, khắc phục hậu quả theo lai thu số 0006582 ngày 09-11-2020 và lai thu số 0006593 ngày 20-11-2020 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, về quyền và thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 27/11/2020, bị cáo Trần Thanh S kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 07-12-2020, bị hại Trần Thanh C kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo Trần Quốc S được hưởng án treo, yêu cầu các bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S, Nguyễn Thị Kim H, Trần Bạch L liên đới bồi thường cho bà C 5.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và 2.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã xử, các bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cướp tài sản” là đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Bị cáo Trần Thanh S vẫn giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo.

Bị hại Trần Thanh C cho rằng án sơ thẩm cho bị cáo Trần Quốc S hưởng án treo là không nghiêm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm phần hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc S theo hướng không cho bị cáo Trần Quốc S hưởng án treo. Ngoài ra, bà C yêu cầu các bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S, Nguyễn Thị Kim H, Trần Bạch L liên đới bồi thường thêm cho bà C 5.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và 2.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bị cáo Trần Thanh S, bị hại Trần Thanh C kháng cáo đúng thời hạn

và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Qua xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên. Đối Cáo với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không oan.

Khi quyết định hình phạt, án sơ thẩm nhận định các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Quốc S hiện đang bị bệnh hở van tim, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo không có việc làm ổn định, hiện đang mang thai và nuôi con nhỏ xử phạt bị cáo nên Trần Quốc S 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Đối với bị cáo Trần Thanh S, Tòa sơ thẩm nhận định bị cáo có vai trò thực hiện hành vi phạm tội quyết liệt hơn, nên xử phạt bị cáo Trần Thanh S 03 năm tù. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Thanh S kháng cáo xin hưởng án treo và có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ là hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị bệnh tim, hen suyễn và đang nuôi 02 con nhỏ, gia đình có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Xét thấy, bị cáo Thanh S và Quốc S đều là người khởi xướng, bộc phát thực hiện hành vi do có một phần lỗi của bị hại, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thanh S, cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc sửa hình phạt của bị cáo Quốc S. Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường thêm số tiền bồi thường 7.000.000 đồng, trong đó gồm 5.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và 2.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản, thấy rằng bị hại không yêu cầu bồi tổn thất về tinh thần ở cấp sơ thẩm, cấp sơ thẩm chưa giải quyết, nên cấp phúc thẩm không giải quyết. Yêu cầu về thiệt hại tài sản ở cấp sơ thẩm đã thỏa thuận giải quyết, bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh nên đề nghị không chấp nhận. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh S, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thanh C, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh S, cho bị cáo Trần Thanh S hưởng án treo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo tranh luận: Thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, trong vụ án này bị hại có lỗi trước do không thanh toán tiền nợ cho gia đình các bị cáo khiến các bị cáo bức xúc nên mới có hành động lấy xe của bị hại nhằm buộc bị hại trả tiền, không nhằm Cắm đoạt để sở

hữu xe của bị hại. Do vậy, tính chất nguy hiểm của hành vi không cao. Bị cáo Trần Thanh S và Trần Quốc S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả và thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo là lao động chính nuôi sống gia đình nên đề nghị được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S 03 năm tù cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, bà C đã thống nhất, không khiếu nại kết quả định giá tài sản và không bị thiệt hại tinh thần nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Các bị cáo, bị hại không tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Thanh S và Trần Quốc S xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện lo cho gia đình và đề nghị không chấp nhận kháng cáo yêu cầu bồi thường dân sự của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trần Thanh S, bị hại Trần Thanh C kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 Bộ luật Tố tụng hình sự và trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Trần Bạch L có liên quan đến kháng cáo của bị hại về bồi thường dân sự, được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập đến phiên tòa. Ngày 26-10-2021 các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Trần Bạch L có đơn xin xét xử vắng mặt, với lý do bị cáo H mới sinh con, bị cáo L đang bị bệnh. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo H và bị cáo L không gây cản trở cho việc xét xử phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo Nguyễn Thị Kim H, Trần Bạch L theo khoản 2 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Bà Trần Thanh C nợ của bà Trần Thị M số tiền là 6.000.000 đồng từ năm 2019 nhưng không trả. Đến hạn trả nợ ngày 08-3-2020 do không thấy bà C trả tiền, nên khoảng 12 giờ ngày 09-3-2020, bà Trần Thị M kêu con ruột tên Trần Thanh S và Trần Quốc S đến nhà bà C để lấy tiền nợ. Khi đến nơi bà C không có tiền để trả, Thanh S nói lấy xe mô tô của bà C về nhà để bà C đến trả tiền rồi lấy xe về, bà C không đồng ý nên hai bên giằng co. Thanh S điện thoại cho bà M nói không đòi tiền được nên lấy xe của bà C về nhà. Nghe vậy, bà M liền kêu chồng là Trần Bạch L và con dâu tên Nguyễn Thị Kim H đi đến nhà bà C để xem có chuyện gì. Tại nhà bà C thì Trần Thanh S, Trần Quốc S và Nguyễn Thị Kim H đã dùng vũ lực đe dọa, xô đẩy để khiêng xe mô tô 62F1 – 078.03. Sau khi khiêng xe lên lề lộ, Trần Bạch L dùng tay giật yên xe để kiểm tra tiền và giữ xe mô tô để cho Thanh S, Quốc S và H khiêng xe bà C lên đem về nhà. Xe mô tô mà Thanh S, Quốc S, Kim H, Bạch L Cắm đoạt có giá trị 9.000.000 đồng.

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật. Các bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S, Nguyễn Thị Kim H và Trần Bạch L nhận thức được điều này, nhưng do bức tức việc bị hại không trả nợ cho gia đình các bị cáo, nên các bị cáo không kiềm chế được bản thân, đã dùng vũ lực Cắm đoạt tài sản là Cắm xe mô tô 62F1 – 078.03 có giá trị 9.000.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự, bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Xét thấy, khi quyết định hình phạt, án sơ thẩm nhận định các bị cáo Trần Thanh S và Trần Quốc S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, cả hai bị cáo cùng đề xướng và thực hiện hành vi quyết liệt Cắm đoạt tài sản của bà C, các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả số tiền theo yêu cầu của bị hại, từ đó xử phạt bị cáo Trần Quốc S và bị cáo Trần Thanh S mỗi bị cáo 03 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Trong đó, bị cáo Trần Quốc S được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thanh S xin hưởng án treo và kháng cáo của bị hại Trần Thanh C không cho bị cáo Trần Quốc S hưởng án treo, thấy: Các bị cáo Trần Thanh S và Trần Quốc S là anh em ruột, có điều kiện hoàn cảnh, nhân thân cơ bản giống nhau. Việc các bị cáo Thanh S, Quốc S Cắm đoạt tài sản là xe mô tô 62F1 – 078.03 của bà C không nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu cá nhân về vật chất, mà nhằm mục đích để bà C trả khoản nợ từ năm 2019. Mặt khác, có thể thấy nguyên nhân dẫn các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do một phần lỗi của bị hại. Khi đến hạn trả nợ, do không thấy bà C trả nên vào trưa ngày 09-3-2020, các bị cáo Thanh S, Quốc S đến nhà bà C với mục đích đòi tiền. Tại nhà bà C, bà C không trả tiền mà có lời lẽ không chuẩn mực, gây bức xúc cho các bị cáo, trong lúc không kiềm chế được bản thân các bị cáo Thanh S, Quốc S đã nhất thời phạm tội. Sau khi kháng cáo, bị cáo Trần Thanh S có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương, vợ bị bệnh tim, hen suyễn và đang nuôi 02 con nhỏ, gia đình có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Xét thấy, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm và có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã bị cáo đang cư trú theo dõi, giáo dục, đồng thời ấn định thời gian thử thách và buộc bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự cũng có thể giáo dục bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thanh S và không chấp nhận kháng cáo của bị

hại Trần Thanh C, sửa một phần bản án sơ thẩm, cho bị cáo Trần Thanh S hưởng án treo, giữ nguyên hình phạt của bị cáo Trần Quốc S như quan điểm của Kiểm sát viên và lời bào chữa của Luật sư tại phiên tòa.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà C yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường 7.000.000 đồng, gồm 5.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và 2.000.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản, thấy: 5.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần bị hại không yêu cầu khi xét xử sơ thẩm, nên để đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo Điều 17 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp bị hại C có chứng cứ chứng minh bị thiệt hại về tinh thần thì khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng thiệt hại về tài sản, thấy rằng: khi xét xử sơ thẩm, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường 5.840.000 đồng trong đó gồm: 1.050.000 đồng tiền thuốc, 500.000 đồng tiền thay kính, 200.000 đồng tiền thay khung hình phạt Quan âm, 2.000.000 đồng tiền mất thu nhập, 2.090.000 đồng tiền sửa xe, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 5.840.000 đồng và nộp cho C cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa. Như vậy giữa bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản là 2.790.000 đồng. Bị hại kháng cáo yêu cầu bồi thường thêm 2.000.000 đồng thiệt hại về tài sản nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ bị thiệt hại phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bị hại.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần Thanh S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận. Bị hại Trần Thanh C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo phần dân sự không được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[10] Tuy nhiên, án sơ thẩm áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim H và bị cáo Trần Bạch L là không đúng theo Điều 36 Bộ luật Hình sự. Bởi lẽ, bị cáo H và bị cáo L bị truy tố, xét xử về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù, là loại tội phạm rất nghiêm trọng, nhưng theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự thì hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng. Trong khi đó, hình phạt của bị cáo H và L không bị kháng cáo, không bị kháng nghị theo hướng tăng hình phạt, nên Hội đồng xét xử không thể sửa án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo H và L, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm. Mặt khác, cũng nhắc nhở Tòa án cấp sơ thẩm kiểm điểm rút kinh nghiệm về sai sót này.

[11] Đối với bà Trần Thị M được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, trong vụ án này bà M chỉ kêu các bị cáo Thanh S, Quốc S đến nhà bà C đòi tiền, bà M không kêu các bị cáo lấy xe của bà C. Khi biết xảy ra chuyện, bà M kêu các bị cáo H và L đến nhà bà C xem giữa các bị cáo Thanh S, Quốc S với bà C xảy ra chuyện gì, không kêu bị cáo H và L giúp sức cho các bị cáo Thanh S, Quốc S lấy xe của bà C. Đối với ông Trương Minh T là người điều khiển xe ba gác chở thuê xe mô tô 62F1 – 078.03 của bà C về nhà bà M, nhưng không biết các bị cáo Thanh S, Quốc S, H và L đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Trần Thị M, ông Trương Minh T với vai trò đồng phạm trong vụ án là có căn cứ, nhưng án sơ thẩm không nhận xét làm rõ là thiếu sót.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh S; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Trần Thanh C; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An về hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh S.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh S 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (28/10/2021).

Xử phạt bị cáo Trần Quốc S 3 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2020).

Giao các bị cáo Trần Thanh S, Trần Quốc S cho Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo đối với bị hại Trần Thanh C.

Bị hại Trần Thanh C được nhận số tiền 5.840.000 đồng (Năm triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền bồi thường, khắc phục hậu quả theo lai thu số 0006582 ngày 09-11-2020 và lai thu số 0006593 ngày 20-11-2020 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Thanh S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Buộc bị hại Trần Thanh C nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức